

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Hai Bà Trưng,
thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền, giao nhiệm vụ trong quản lý các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 25/TTr-SXD ngày 28/5/2021 (kèm theo Thông báo thẩm định) và Tờ trình số 86/TTr-BQL ngày 13/5/2021 của UBND huyện Kbang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

2. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Kbang.

3. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu giao thông, từng bước hoàn thiện hạ tầng cơ sở, tạo mỹ quan đô thị và thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương.

4. Quy mô đầu tư: Đường Hai Bà Trưng thị trấn Kbang chiều dài tuyến 2.795,50m, điểm đầu tuyến giao với đường Ngô Mây, điểm cuối tuyến Km2+795,50 giao với Quốc lộ Trường Sơn Đông. Tuyến đường cơ bản bám theo đường Hai Bà Trưng hiện hữu. Đường có quy mô đường đô thị, cấp III, vận tốc thiết kế 40km/h, mặt đường bê tông nhựa; vỉa hè, hệ thống thoát nước, an

toàn giao thông hoàn chỉnh. Cụ thể:

4.1. Nền, mặt đường:

- Nền đường: Rộng 20m (bằng chỉ giới xây dựng), đất cấp 3, hoàn thiện lu lèn K95; taluy đào 1/1, taluy đắp 1/1,5. Các đoạn nền đắp cao, đào sâu nền được gia cố bằng các đoạn tường chắn BTCT đá 2x4 mác 200, đỉnh tường dày 30cm, móng tường nằm trong nền tự nhiên 50cm.

- Mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa rộng 10,5m (kể cả đan rãnh), dốc ngang 2% gồm phần tận dụng mặt đường BTXM cũ làm lớp móng dưới (rộng trung bình 5,5m) và phần làm mới (cạp lê mở rộng) với $E_{yc} = 120 \text{ MPa}$:

+ Kết cấu làm mới: 7cm bê tông nhựa chặt 19; tưới nhựa thấm bảm 1 kg/m^2 ; 15cm CPĐD loại 1 $D_{\max} 25$ lu lèn K98; 25cm CPĐD loại 1 $D_{\max} 37,5$ lu lèn K98; 50cm đất đồi chọn lọc K98; đất nền lu lèn K95.

+ Kết cấu trên mặt đường BTXM hiện trạng: 7cm bê tông nhựa chặt 19; tưới nhựa thấm bảm 1 kg/m^2 ; 15cm CPĐD loại 1 $D_{\max} 25$ lu lèn K98; bù vênh CPĐD loại 1 $D_{\max} 25$ lu lèn K98; mặt đường BTXM hiện trạng.

+ Mặt đường trên mặt cầu thảm bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm. Đường giao vuốt nối bằng BTNC 19 dày trung bình 3,5cm.

4.2. Vĩa hè: Rộng $4,75 \times 2 = 9,5\text{m}$ (kể cả bó vỉa), dốc ngang 2% về phía lòng đường. Vĩa hè lát gạch terrazzo dày 3cm; bó gáy hè kích thước (20x30)cm bằng BTXM đá 2x4 mác 150. Trên vĩa hè bố trí ô trồng cây kích thước (1,2x1,2)m, thành ô bằng BTXM đá 1x2 mác 200, cự ly trung bình 10m/ô.

- Bó vỉa, đan rãnh: Bằng BTXM đá 1x2 mác 200. Bó vỉa vát xiên kích thước rộng 30cm, cao 12cm; đan rãnh rộng 25cm, dốc đan 10%.

4.3. Thoát nước:

4.3.1. Thoát nước dọc:

- Thoát nước dọc tần suất thiết kế 10% bằng cống tròn BTCT D80cm, tổng chiều dài khoảng 4.636m, các cống đặt dưới lòng đường (đường giao) tải trọng thiết kế HL93. Thoát nước dọc được xả xuống các cống ngang và cầu trên tuyến qua mương hở và cửa xả kích thước (100xH)cm.

- Các hố ga thu nước của hệ thống thoát nước dọc kích thước (1,6x1,6)m bằng đá hộc xây VXM mác 100, đáy đan BTCT. Cửa thu nước BTCT, nắp cửa thu lắp tấm chắn rác bằng thép, thu nước từ mặt đường vào các hố ga.

4.3.2. Thoát nước ngang: Thiết kế mới thay thế các cống cũ đã xuống cấp và không đủ khẩu độ, quy mô nền đường mới; thiết kế bổ sung các vị trí còn thiếu với tần suất tính toán 4%, tổng cộng làm mới 8 cống/169m. Các cống có khẩu độ lớn ngoài khu dân cư được gia cố đá hộc xây VXM mác 100. Tận dụng các đốt cống cũ còn tốt đặt vào vị trí khẩu độ thích hợp.

4.3.3. Cầu Đăk Ja (Km1+761,49): Tải trọng thiết kế HL93, bề rộng cầu $B = (10,5\text{m} + 2,5\text{m} \times 2) = 15\text{m}$ (trong đó tận dụng bề rộng cầu cũ 5m), tần suất thiết kế 4%, tỉnh không thông thuyền, chiều dài cầu dự kiến 32,3m. Cụ

thể:

- Kết cấu nhịp gồm 1 nhịp giản đơn dầm BTCT 15m, chiều dài cầu $L = 32,30\text{m}$ (tính đến đuôi móng). Mặt cắt ngang cầu gồm 09 dầm bằng BTCT (trong đó tận dụng 03 dầm T 15m hiện trạng, đặt mới 06 dầm BTCT 40MPa). Bản mặt cầu bằng BTCT 30MPa, bên trên thảm lớp BTN chặt rải nóng C19 dày 7cm. Gối cầu cao su cốt bản thép; khe co giãn thép dạng răng lược. Gờ lan can BTCT, tay vịn tận dụng.

- Kết cấu phần dưới: Mố chữ U BTCT 25MPa, móng mố dạng móng nông đặt trên nền đá gốc; taluy tứ nón hai đầu cầu bằng bê tông đá 2x4 16MPa.

- Đường đầu cầu: Bề rộng nền đường sau mố 16m vuốt nối về nền đường 20m trên đoạn dài 10m.

4.3.4. Cầu Ka Nát (Km0+489,80): Tận dụng cầu hiện trạng $B = (4\text{m} + 1,25\text{m} \times 2) = 6,5\text{m}$, chiều dài cầu 132m; thảm tăng cường BTNC 19 dày 7cm trên mặt cầu, sơn lại lan can cầu. Gia cố mái taluy đường hai đầu cầu bằng đá hộc xây VXM mác 100.

4.4. An toàn giao thông: Bố trí hoàn chỉnh các biển báo và sơ kẻ đường theo quy chuẩn QCVN 41/2019: BGTVT. Tại các vị trí nền đắp cao, thiết kế tường hộ lan mềm bằng thép để đảm bảo an toàn giao thông.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Quang Minh Phát - Gia Lai.

6. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính: Nhóm C; công trình giao thông nội thị; cấp III

8. Số bước thiết kế: 2 bước.

9. Tổng mức đầu tư: **55.000.000.000 đồng** (năm mươi lăm tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư : 1.000.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng : 46.959.720.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 977.531.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 2.668.255.000 đồng
- Chi phí khác : 578.200.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 2.816.294.000 đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021-2022.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

13. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chịu trách nhiệm về hồ sơ dự án, tổ chức triển khai dự án theo đúng quy định của Nhà nước, công trình phải đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Quản lý và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích có hiệu quả; kiểm tra thanh toán các chi phí phải đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Kbang và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CNXD.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Tiến Đông